

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH THẠNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **809** /2018/HNGĐ-ST
Ngày: 04/5/2018
V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Yến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Ngọc Luyện

2. Bà Bùi Thị Cẩm Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hương là Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tham gia phiên tòa:
Bà Hoàng Thị Ngọc - Kiểm sát viên sơ cấp

Ngày 04 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 640/2017/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2017 về: Tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 59/2018/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông P (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Số 129/47/4 đường C, Phường D, quận GV, Thành phố Hồ Chí Minh

Bị đơn: bà Q (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 63/1/1.1 (chung cư 69/1) đường P, Phường S, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn ly hôn, các bản tự khai, các biên bản tại Tòa án, nguyên đơn là ông P trình bày: Ông và bà Q tự nguyện kết hôn với nhau theo Giấy chứng nhận kết hôn số 173 do Ủy ban nhân dân Phường 3, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 30/11/1999. Sau gần 15 năm chung sống, ông nhận ra rằng ông không còn cảm nhận hạnh phúc khi ở bên nhau và cả hai đều bị tổn thương do những mâu thuẫn xung đột cá nhân và không còn hòa hợp nhau trong cuộc sống cả về mặt thể xác lẫn tinh thần. Ông và bà Q đã nhiều lần cho nhau cơ hội hàn gắn, nhưng vẫn không thể tiếp tục và để cả hai được sống thanh thản, vui vẻ, dành thời gian chăm lo cho con cái và cũng để con cái khỏi bị ám ảnh bởi những xung đột của cha mẹ, ông và bà Q đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay, nên ông P quyết định ly hôn với bà Q.

Về con chung: Ông P khai nhận ông và bà Q có 02 con chung là Lê P Q A sinh ngày 22/3/2002 và Lê Phan Anh T sinh ngày 27/12/2007. Ông P đồng ý giao hai con cho bà Q trực tiếp nuôi dưỡng. Ông P không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông P khai nhận ông và bà Q không tranh chấp, tự thỏa thuận phân chia tài sản và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn là bà Phan Thị Nga Q:

Tại bản tự khai ngày 25/4/2017 bà Q xác nhận: Bà và ông P tự nguyện kết hôn với nhau theo Giấy chứng nhận kết hôn số 173 do Ủy ban nhân dân Phường 3, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 30/11/1999. Quá trình chung sống có 02 con chung là Lê P Q A sinh ngày 22/3/2002 và Lê Phan Anh T sinh ngày 27/12/2007. Tuy nhiên, bà không đồng ý ly hôn với ông P vì bà vẫn yêu thương chồng, các con đang rất cần sự quan tâm, chăm sóc, giáo dục và tình cảm yêu thương của cha.

Về tài sản chung: Bà Q xác nhận bà và ông P có tài sản chung, nhưng bà cho rằng không có căn cứ để yêu cầu ly hôn nên không yêu cầu Tòa giải quyết về chia tài sản chung của vợ chồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, nhưng bà Q không tham gia phiên họp, hòa giải và không tham gia phiên tòa hôm nay.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tham gia phiên tòa phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Ngoại trừ việc vi phạm thời hạn đưa vụ án ra xét xử thì Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ Điều 56, 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Bà Q là bị đơn hiện cư trú tại số 63/1/1.1(chung cư 69/1) đường Điện Biên Phủ, Phường 15, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự thì Tranh chấp ly hôn của ông P đối với bà Q thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]. Về thủ tục:

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn là bà Phan Thị Nga Q: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa

giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, nhưng bà Q không tham gia hòa giải và không tham gia phiên tòa hôm nay.

Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đương sự theo quy định.

[3]. Về các yêu cầu của đương sự:

Đối với yêu cầu của ông P xin ly hôn với bà Phan Thị Nga Q, Hội đồng xét xử thấy:

Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn Giấy chứng nhận kết hôn số 173 do Ủy ban nhân dân Phường 3, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 30/11/1999 thì quan hệ hôn nhân giữa ông P và bà Q là hợp pháp.

Tuy nhiên, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai nhận của ông P, Hội đồng xét xử nhận thấy: Trong thời gian chung sống ông P và bà Q có bất đồng về quan điểm sống, phát sinh mâu thuẫn. Ông P và bà Q đã sống ly thân, mâu thuẫn vợ chồng kéo dài, đời sống không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, mặc dù vợ chồng đã cố gắng hàn gắn nhưng không có kết quả.

Về phía bị đơn là bà Q: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa.

Tại bản tự khai ngày 25/4/2017, bà Q không đồng ý ly hôn với ông P, nhưng bà không tham gia các buổi hòa giải của Tòa án, không tham gia phiên tòa, không đưa ra giải pháp nào để vợ chồng đoàn tụ, chứng tỏ bà Q không thiết tha hàn gắn, níu kéo tình cảm vợ chồng để xây dựng gia đình hạnh phúc.

Qua xác minh tại địa Q thì: “Ông P không có tạm trú tại chung cư ngân hàng ACB số 63.1 P, P Q, quận BT, thành phố Hồ Chí Minh. Ông P và bà Q có cãi nhau tại chung cư ACB nhưng không yêu cầu hòa giải.”

Căn cứ Điều 19 của Luật hôn nhân và Gia đình thì “1.Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình” 2.Vợ chồng có nghĩa vụ chung sống với nhau,” như vậy ông P và bà Q đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hơn nữa, quá trình giải quyết vụ án ly hôn từ tháng 4 năm 2017, Tòa án đã nhiều lần hòa giải nhưng ông P vẫn kiên quyết ly hôn, điều này chứng tỏ ông P không còn tình cảm với bà Q.

Như vậy, yêu cầu xin ly hôn của ông P đối với bà Q là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên có cơ sở để chấp nhận.

Về quan hệ con chung: Ông P và bà Q cùng khai nhận ông bà Q có hai con chung là Lê P Q A sinh ngày 22/3/2002 và Lê Phan Anh T sinh ngày 27/12/2007. Ông P yêu cầu được giao hai con cho bà Q trực tiếp nuôi dưỡng, ông P không cấp dưỡng nuôi con.

Xét yêu cầu này của ông P, Hội đồng xét xử thấy: Qua xác minh tại địa Q thì hiện hai con Lê P Q A sinh ngày 22/3/2002 và Lê Phan Anh T sinh ngày 27/12/2007 đang tạm trú tại chung cư ngân hàng ACB cùng với bà Q và bà Q cũng không có ý kiến gì về yêu cầu nuôi con, cấp dưỡng nuôi con của ông P. Hai con có nguyện vọng được chung

sống với cả ba và mẹ, nhưng thực tế hiện nay bà Q đang trực tiếp nuôi con, hai trẻ Q A và Anh T vẫn đang được nuôi dạy tốt và đã có bản khai tại Tòa án. Như vậy, để không xáo trộn cuộc sống, sinh hoạt của các con, Hội đồng xét xử thấy cần giao hai con cho bà Q trực tiếp nuôi dưỡng.

Đối với yêu cầu của ông P về việc không cấp dưỡng nuôi con: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bà Q không có ý kiến gì về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Do vậy, Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của ông P về việc không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông P khai nhận ông và bà Q không tranh chấp, tự thỏa thuận phân chia tài sản và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà Q cho rằng bà và ông P có tài sản chung nhưng không có ý kiến gì về tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung của vợ chồng. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét thêm. Ghi nhận ý kiến của ông P về việc không tranh chấp, tự thỏa thuận phân chia tài sản và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Án phí sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng, ông P phải nộp.

Đối với phần phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tham gia phiên tòa về việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử thấy: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh đã nhận định đúng về thủ tục tố tụng và phân tích đúng nội dung của vụ án và đưa ra ý kiến giải quyết vụ án đúng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 21, khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 116 của Luật Hôn nhân và gia đình;
Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án năm 2008;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông Lê Văn P:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông P được ly hôn với bà Phan Thị Nga Q.

2. Về quan hệ con chung: Giao 02 con Lê P Q A sinh ngày 22/3/2002 và Lê Phan Anh T sinh ngày 27/12/2007 cho bà Q trực tiếp nuôi dưỡng và ghi nhận ý kiến của ông P về việc không cấp dưỡng nuôi con.

Ông P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con, khi có lý do chính đáng, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ghi nhận ý kiến của ông P về việc không tranh chấp, tự thỏa thuận phân chia tài sản và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Án phí đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng, ông P phải nộp, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà ông P đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0034626 ngày 03/4/2017 của Chi cục thi hành án quận Bình Thạnh. Ông P đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Ông P, bà Q được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND Tp.Hồ Chí Minh;
- VKSND Q.Bình Thạnh;
- Chi cục THADS Q.Bình Thạnh;
- Ủy ban nhân dân P. 3. Q. Gò Vấp;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Yến